Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người khai hải quan khai tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin tại Phụ lục I Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 38/2015/TT-BTC (sau đây gọi là Thông tư số 39/2018/TT-BTC) và Tờ khai vận chuyển kết hợp theo quy định tại điều 51c được khai theo các chỉ tiêu quy định tại mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 39/2018/TT-BTC.

Bước 2: Cơ quan hải quan thực hiện thủ tục hải quan theo quy định để đưa hàng vào kho.

Ngày hàng hóa đưa vào kho ngoại quan là ngày cơ quan hải quan cập nhật thông tin đến đích của lô hàng nhập khẩu trên Hệ thống.

- Cách thức thực hiện:

+ Thực hiện trên hệ thống thông quan điện tử, thủ công (giấy)

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo quy định và Tờ khai vận chuyển kết hợp theo theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 01 và mẫu số 7 quy định tại Phụ lục I Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 38/2015/TT-BTC (sau đây gọi là Thông tư số 39/2018/TT-BTC).

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, người khai hải quan khai và nộp 02 bản chính tờ khai hải quan nhập khẩu theo mẫu HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư 39/2018/TT-BTC;

- Vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật (trừ hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới đường bộ): a.2): 01 bản chụp;

- Giấy chứng nhận mã số tạm nhập tái xuất của Bộ Công Thương đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất có điều kiện theo quy định của Bộ Công Thương: 01 bản chụp;

- Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.

Trường hợp cơ quan quản lý, kiểm tra chuyên ngành gửi Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia,

người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan;

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết:

- Cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan theo quy định của Luật Hải quan năm 2014.

- Sau khi người khai hải quan thực hiện đầy đủ các yêu cầu để làm thủ tục hải quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 23 của Luật Hải quan năm 2014, thời hạn công chức hải quan hoàn thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải được quy định như sau:

a) Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

b) Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hóa cho cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin đến đích của lô hàng nhập khẩu được cập nhật trên Hệ thống, Biên bản chứng nhận/hoặc biên bản xử lý vi phạm trong trường hợp hàng hóa có sai khác hoặc vi phạm.

- Phí, lệ phí: hàng hóa gửi kho ngoại quan thu lệ phí làm thủ tục hải quan một lần khi làm thủ tục nhập kho, khi xuất kho không thu; mức thu là 20.000 VNĐ/tờ khai.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (mẫu HQ/2015/NK).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Hàng hóa của chủ hàng nước ngoài chưa ký hợp đồng bán hàng cho doanh nghiệp ở Việt Nam;

+ Hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài chờ đưa vào thị trường trong nước hoặc chờ xuất khẩu sang nước thứ ba;

+ Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan để chờ xuất khẩu sang nước thứ ba.

Hàng hóa gửi kho ngoại quan đề xuất đi nước khác phải có giấy chứng nhận mã số tạm nhập tái xuất của Bộ Công Thương thì chỉ được gửi kho ngoại quan tại tỉnh, thành phố nơi cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất;

Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan chỉ được nhập khẩu qua các cửa khẩu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Công Thương

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát, hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

- Điểm 1 khoản 59 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Điều 91 của Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

- Thông tư 14/2021 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

HẢI QUAN VIỆT NAM **TỜ KHAI HÀNG HÓA**

Cục Hải quan: **NHẬP KHẨU**

HQ/2015/NK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: **Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:**	**Số tham chiếu:** **Ngày, giờ gửi:**	**Số tờ khai:** **Ngày, giờ đăng ký:** **Số lượng phụ lục tờ khai:**	**Công chức đăng ký tờ khai**

1. Người xuất khẩu:	5. Loại hình:		
2. Người nhập khẩu: MST	6. Hóa đơn thương mại:	7. Giấy phép số: Ngày Ngày hết hạn	8. Hợp đồng: Ngày Ngày hết hạn
3. Người uỷ thác/người được ủy quyền: MST	9. Vận đơn (số/ngày):	10. Cảng xếp hàng:	11 Cảng dỡ hàng:
4.Đại lý Hải quan: MST	12. Phương tiện vận tải: Tên, số hiệu: Ngày đến		13. Nước xuất khẩu:
	14. Điều kiện giao hàng:		15. Phương thức thanh toán:
	16. Đồng tiền thanh toán:		17. Tỷ giá tính thuế:

Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19.Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1								

Loại thuế	Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế	Thuế suất (%)/ Mức thuế	Tiền thuế
26. Thuế nhập khẩu			
27. Thuế TTĐB			
28. Thuế BVMT			
29. Thuế GTGT			

30. Tổng số tiền thuế (ô 26+27+ 28+29):

Bằng chữ:

<table>
<tr><td colspan="4">31. Lượng hàng, số hiệu container</td></tr>
<tr><td>Số TT</td><td>a. Số hiệu container</td><td>b. Số lượng kiện trong container</td><td>c. Trọng lượng hàng trong container</td></tr>
<tr><td>1
2</td><td></td><td></td><td>Cộng:</td></tr>
<tr><td colspan="2">32. Chứng từ đi kèm</td><td colspan="2">33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai
Ngày tháng năm
(Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</td></tr>
<tr><td>34. Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục hải quan</td><td>36. Xác nhận của hải quan giám sát</td><td>37. Xác nhận giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu</td><td>38. Xác nhận thông quan</td></tr>
<tr><td>35. Ghi chép khác:</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

HẢI QUAN VIỆT NAM	PHỤ LỤC TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU	HQ/2015-PLNK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai:	**Phụ lục số:**	**Số tờ khai:**
Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:	**Ngày, giờ đăng ký:**	**Loại hình:**

Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1								

Loại thuế	Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế	Thuế suất (%)/ Mức thuế	Tiền thuế
26. Thuế nhập khẩu			
27. Thuế TTĐB			
28. Thuế BVMT			
29. Thuế GTGT			
Cộng:			

Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
2								

Loại thuế	Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế	Thuế suất (%)/ Mức thuế	Tiền thuế
26. Thuế nhập khẩu			
27. Thuế TTĐB			
28. Thuế BVMT			
29. Thuế GTGT			
Cộng:			

Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
3								

Loại thuế	Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế	Thuế suất (%)/ Mức thuế	Tiền thuế
26. Thuế nhập khẩu			
27. Thuế TTĐB			
28. Thuế BVMT			
29. Thuế GTGT			
		Cộng:	

31. Lượng hàng, số hiệu container:

Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container	c. Trọng lượng hàng trong container
1			
2			
3			
4			**Cộng:**

33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai

Ngày tháng năm

(Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)